

Đơn vị: Trường TH-THCS Yên Bình  
Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Điệp, ngày 04 tháng 02 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**  
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ;

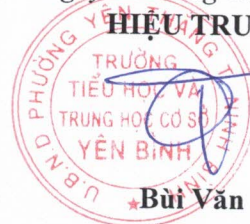
Trường TH-THCS Yên Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của đơn vị như sau:

ĐV tính: Nghìn đồng

| Số TT      | Nội dung                                              | Dự toán năm | Ước thực hiện năm 2025 | Ước thực hiện/ Dự toán năm (%) | Ước thực hiện năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%) |
|------------|-------------------------------------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách</b>                 |             |                        |                                |                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                             |             |                        |                                |                                                     |
| 1          | Lệ phí                                                |             |                        |                                |                                                     |
| 2          | Học phí                                               | 244,000     | 320,547                | 131.4                          | 354.84                                              |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b> |             |                        |                                |                                                     |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo</b>                 |             |                        |                                |                                                     |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        | 244,000     | 197,160                | 80.8                           |                                                     |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  |             |                        |                                |                                                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                         |             |                        |                                |                                                     |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                      |             |                        |                                |                                                     |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                |             |                        |                                |                                                     |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>          |             |                        |                                |                                                     |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                         |             |                        |                                |                                                     |
| 2          | Học phí                                               |             |                        |                                |                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách</b>                 |             |                        |                                |                                                     |
| <b>II</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                 | 8,612,628   | 8,528,963              | 97.10                          | 97.10                                               |
| 1          | Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề              | 8,612,628   | 8,528,963              | 97.10                          | 97.10                                               |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên              | 8,323,427   | 8,239,762              | 99.02                          | 99.02                                               |
| 1.2        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên        | 289,201     | 289,201                | 62.44                          | 62.44                                               |

Ngày 04 tháng 02 năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG**



\*Bùi Văn Tú